

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2023
*Về việc tranh chấp về ly hôn và
nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Phi Long

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy L, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Duy P sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16-02-2023, đơn thay đổi đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Thúy L trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2011, bà và ông Võ Duy P tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16-3-2011 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau kết hôn bà và Ông P sinh sống tại ấp Cây Da, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Sống bằng nghề mua bán và nuôi thủy sản, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và Ông P thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống trong hôn nhân và trong cuộc sống hàng ngày nên bà và Ông P ly thân đến nay đã hơn 05 năm, nay bà yêu cầu ly hôn ông Võ Duy P.

Về con chung: Bà và Ông P có 02 con tên Võ Trần Ngọc T, sinh ngày 03-3-2012 và Võ Trần Phúc T, sinh ngày 24-9-2016 bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 14-3-2023 và tại phiên tòa ông Võ Duy P trình bày:*

Về hôn nhân: Do quen biết nhau ông và bà Trần Thị Thúy L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16-3-2011 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau kết hôn ông và bà L sinh sống tại ấp Cây Da, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Sống bằng nghề mua bán và nuôi thủy sản, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông và bà L thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống trong hôn nhân và trong cuộc sống hàng ngày nên ông và bà L ly thân cho đến nay, nay ông không đồng ý ly hôn bà Trần Thị Thúy L.

Về con chung: Ông P và bà L có 02 con tên Võ Trần Ngọc T, sinh ngày 03-3-2012 và Võ Trần Phúc T, sinh ngày 24-9-2016 ông đồng ý giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Ông P không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông P khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự và không thuộc trường hợp thay đổi. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng thời gian luật định.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà L và Ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16-3-2011 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau kết hôn bà L và Ông P sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L và Ông P thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống trong hôn nhân và trong cuộc sống hàng ngày nên bà L và Ông P ly thân đến nay đã hơn 05 năm. Trong thời gian ly thân bà L và Ông P không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến nay bà L và Ông P không đoàn tụ được với nhau. Từ phân tích trên cho thấy tình cảm vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà L yêu cầu nuôi con chung tên Võ Trần Ngọc T sinh ngày 03-3-2012 và Võ Trần Phúc T sinh ngày 24-9-2016, hiện đang sống với bà

L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ông P đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu tên Võ Trần Ngọc T và Võ Trần Phúc T cho bà L nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung bà L không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L và Ông P không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L và Ông P khai không có và không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Duy P, yêu cầu nuôi con tên Võ Trần Ngọc T, sinh ngày 03-3-2012 và Võ Trần Phúc T, sinh ngày 24-9-2016. Xét đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, do Ông P có nơi cư trú tại ấp C, xã H, thị xã D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại Điều 35 và điểm a Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bà L hợp lệ. Tuy nhiên, tại phiên tòa do bà L vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu ly hôn Ông P. Hội đồng xét xử nhận thấy do quen biết với nhau nên bà L và Ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 16-3-2011 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau kết hôn bà L và Ông P sinh sống tại ấp Cây Da, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Sống bằng nghề mua bán và nuôi thủy sản, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L và Ông P thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống trong hôn nhân và trong cuộc sống hàng ngày nên bà L và Ông P ly thân đến nay đã được 05 năm. Trong thời gian ly thân bà L và Ông P không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến nay bà L và Ông P không đoàn tụ được với nhau. Từ phân tích trên cho thấy tình cảm vợ chồng bà L và Ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà L yêu cầu nuôi con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà L và Ông P có 02 con chung Võ Trần Ngọc T sinh ngày 03-3-2012 và Võ Trần Phúc T sinh ngày 24-9-2016, hiện đang sống với bà L. Bà L yêu cầu

được nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ông P đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu tên Võ Trần Ngọc T và Võ Trần Phúc T cho bà L nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho bà L biết, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng do bà L không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà L và Ông P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà L và Ông P khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thúy L. Cho bà Trần Thị Thúy L ly hôn ông Võ Duy P.

2. Giao cho bà Trần Thị Thúy L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Trần Ngọc T sinh ngày 03-3-2012 (theo nguyện vọng con) và Võ Trần Phúc T sinh ngày 24-9-2016.

Bà Trần Thị Thúy L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Võ Duy P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích con chưa thành niên và có yêu cầu của các bên thì Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thúy L không yêu cầu ông Võ Duy P cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Trần Ngọc T và Võ Trần Phúc T nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thúy L và ông Võ Duy P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thúy L và ông Võ Duy P khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011312 ngày 09 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà Trần Thị Thúy L đã nộp xong án phí.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Trung